TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 36, 04/09 – 06/09/2024

"Lưng chừng"

Tiêu điểm:

- Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng - Purchasing Managers' Index (PMI) ngành Sản xuất Việt Nam của S&P Global đạt 52.4 điểm trong tháng 8
- Tỷ giá USD hôm nay (6-9): Rạng sáng 6-9-2024, Ngân hàng Nhà nước công bố tỷ giá trung tâm của đồng Việt Nam với USD giảm 7 đồng, hiện ở mức 24,222 đồng.
- Theo Bộ Thương mại Mỹ, nền kinh tế lớn nhất thế giới trong quý II/2024 đã tăng 3% so với cùng kỳ năm ngoái, cao hơn mức tăng trưởng ước tính trước đó là 2.8% nhờ chi tiêu tiêu dùng mạnh hơn dự đoán.

Đánh giá: Thị trường tiếp tục đồng pha với nhịp điều chỉnh của chứng khoán thế giới đánh dấu tuần thứ 2 điều chỉnh trong một tháng qua. Như vậy, tính từ đáy 1,200 thị trường đã có 2 tuần tăng và 2 nhịp điều chỉnh. Chúng tôi vẫn giữ quan điểm khả quan và kì vọng chỉ số có thể vượt được 1,300 khi nhìn vào những điểm cải thiện của nền kinh tế, cũng như sự thuận lợi của việc duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng. Tuy nhiên, trong ngắn hạn, cần quan sát các yếu tố về dòng tiền như: sự dẫn dắt của nhóm vốn hóa lớn cùng với đà lan tỏa mạnh mẽ của nhiều nhóm ngành và khối ngoại quay lại mua ròng. Như vậy, mới có thể xác định xu hướng tiếp theo của thị trường một cách rõ ràng hơn.

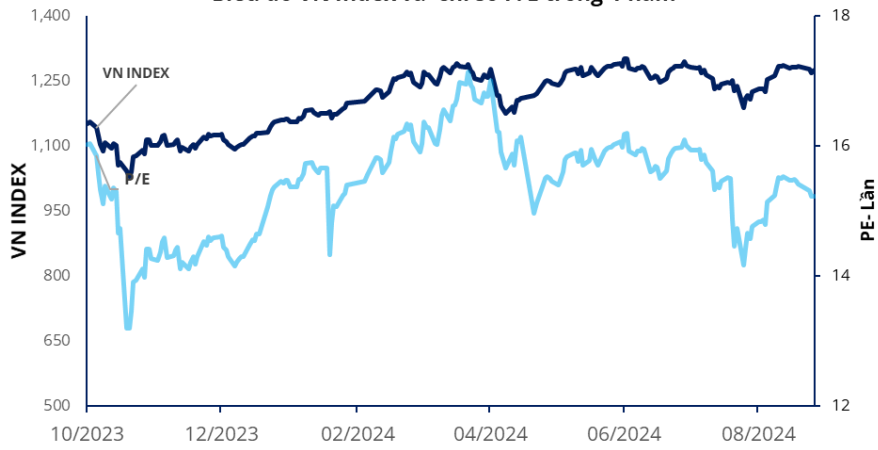
Góc nhìn kĩ thuật: VNINDEX đóng cửa tuần tại 1,273.96 (-9.91 điểm, -0.77%) sau khi tạo cây nến doji trên đồ thị tuần với biến động vô cùng hẹp. Trong đó, 3 phiên giao dịch sau lễ 2/9 cho thấy thị trường vẫn trong xu hướng điều chỉnh ngắn. Nhóm VIC VHM có diễn biến tốt đã gánh lại chỉ số thị trường, còn các nhóm ngành khác đều trong xu hướng giảm và đi ngang là chủ yếu. Có 2 mức kháng cự cần chú ý là vùng 1,280 và vùng 1,300; và hỗ trợ tại 1,240. Hiện tại, chỉ số đang nằm lưng chừng giữa hỗ trợ và kháng cự quan trọng; vì thế, các phiên giao dịch tuần sau là vô cùng quan trọng để quyết định xu hướng của thị trường.

Ý tưởng đầu tư: Chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư nắm giữ với những cổ phiếu khỏe đã mua từ trước, quyết định mua mới nên chờ đợi nhịp xác nhận rõ hơn của thị trường.

Dữ liệu thị trường tuần		% Thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,274	-0.8	5.3	-0.7	12.7		15.2	1.7	212
Upcom Index	93	-0.9	1.2	-5.0	7.3		12.6	1.3	59
HNX Index	235	-1.2	3.6	-3.9	1.6		15.9	1.2	12
VN30 Index	1,315	-1.2	5.0	1.0	16.3		12.0	1.7	148
S&P 500 Index	5,503	-2.6	5.0	2.8	15.4		25.1	4.9	48,139
STOXX Europe 600 Index	510	-3.0	4.3	-2.9	6.4		15.4	2.1	14,991
Hang Seng	17,444	-3.0	4.8	-5.6	2.3		9.3	1.0	2,627
Nikkei 225	36,391	-5.8	4.9	-6.0	8.7		22.0	1.9	4,718
SHCOMP Index	2,766	-2.7	-3.5	-9.3	-7.0		13.5	1.2	6,078
STI Index	3,451	0.2	7.9	3.6	6.5		12.7	1.2	403
KOSPI Index	2,544	-4.9	0.9	-5.4	-4.2		13.3	0.9	1,531

Nguồn: Bloomberg

Biểu đồ VN Index và chỉ số P/E trong 1 năm



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Hoàng Nam
(84-28) 5808 7603
nam.h@shinhan.com

Theo dõi Zalo của SSV,
Cập nhật báo cáo mới nhất
Bấm vào hình hoặc quét QR

WEEKLY SNAPSHOT
Theo vốn hóa và ngành

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	% Thay đổi GTGD				% Tỷ trọng GTGD		Định giá		
	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD	Current	Change	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	-0.8	5.6	0.2	15.2	-6.3	-3.8	-11.6	-22.3	83.6	0.5	13.6	1.7	4,606,220
Mid Cap	-0.5	5.1	-3.1	17.0	-10.2	-17.5	-41.7	-46.9	15.4	-0.6	18.8	1.2	564,306
Small Cap	-0.9	0.5	-8.3	-8.3	-5.2	-9.4	-46.4	-50.5	1.0	0.0	-3172.4	0.7	61,099

Theo ngành

Tên ngành	% Thay đổi GTGD				% Tỷ trọng GTGD		Định giá		
	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD	Current	Change	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Bất động sản	1.7	11.6	0.7	1.1	-10.1	1.9	8.0	-15.6	22.1	-0.8	17.4	1.1	758,474
Dược và Y tế	1.6	2.2	2.1	12.9	17.8	29.9	-12.7	35.0	0.4	0.1	17.0	2.4	38,912
Tiện ích	0.2	3.9	0.9	10.8	-5.1	-33.1	-44.7	-33.4	1.6	0.0	23.5	2.0	329,417
Thực phẩm và đồ uống	-0.2	3.4	-1.1	7.1	-5.1	-18.9	-24.0	-30.0	8.4	0.2	23.9	2.3	456,580
Xây dựng và vật liệu	-0.6	6.3	-8.4	-2.0	5.7	-9.6	-28.4	-49.5	3.6	0.4	17.5	1.2	123,948
Truyền thông	-0.6	-0.7	-8.1	-23.8	-55.8	-48.9	-73.6	-72.1	0.0	0.0	21.0	0.8	1,631
Ô tô & Phụ tùng	-0.6	0.0	-5.5	11.1	0.3	-13.6	-48.7	-47.6	0.4	0.0	15.0	1.2	16,240
Tài nguyên cơ bản	-0.9	-2.7	-13.2	-1.2	3.4	0.1	-20.6	-30.0	6.8	0.7	16.4	1.4	207,846
Tài chính	-1.4	7.6	-6.4	10.3	-22.0	-6.6	-3.1	-32.7	12.8	-2.5	18.6	1.5	199,850
Hóa chất	-1.4	7.8	-3.5	39.3	12.5	0.2	-22.6	-18.2	6.0	1.0	24.2	2.0	247,654
Ngân hàng	-1.4	4.5	2.0	17.9	-11.3	-5.3	-21.4	-30.3	19.8	-1.0	9.5	1.5	2,027,348
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	-1.5	8.0	1.9	28.5	-9.6	-20.8	-53.9	-55.6	3.9	-0.1	17.3	1.4	162,477
Bảo hiểm	-1.6	4.0	-4.2	13.0	-29.0	-26.8	-52.1	-41.5	0.2	-0.1	14.2	1.4	46,027
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1.7	3.2	0.0	17.7	-38.3	-31.8	-34.4	-26.2	1.7	-0.8	14.8	1.8	62,784
Bán lẻ	-1.8	9.0	7.1	52.6	-7.3	-18.7	-20.0	-22.7	4.8	0.0	6.9	3.9	142,044
Công nghệ Thông tin	-1.9	8.8	4.1	53.2	67.8	28.7	-23.5	9.5	5.3	2.3	27.5	4.6	210,248
Du lịch và Giải trí	-2.3	0.4	-15.6	18.8	1.8	-10.5	-45.9	-30.4	1.0	0.1	40.3	10.2	114,658
Dầu khí	-3.3	0.1	5.8	25.0	29.4	-6.8	-10.2	-19.4	1.3	0.4	20.2	2.6	74,441

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	**2,835**	-10.4	-103.1	-370.6	-729.6
Nước ngoài	**1,904**	-10.5	-86.7	-359.6	-466.9
VanEck Vectors Vietnam ETF	502	0.0	-6.7	-11.9	58.7
Fubon FTSE Vietnam ETF	663	-9.1	-42.1	-127.4	-117.3
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	220	-1.4	-26.4	-190.8	-403.3
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	296	0.0	4.2	-15.4	17.7
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	203	0.0	-15.6	-14.1	-16.7
Premia MSCI Vietnam ETF	5	0.0	0.0	0.0	-5.6
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	5	0.0	0.0	0.0	-0.4
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	**931**	0.1	-16.5	-11.0	-262.7
DCVFMVN Diamond ETF	573	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	293	0.0	-15.1	-3.0	-103.9
SSIAM VNFIN LEAD ETF	24	0.1	-1.7	-8.1	-156.8
MAFN VN30 ETF	25	0.0	0.0	-0.3	-2.2
SSIAM VNX50 ETF	5	0.0	0.0	0.0	-2.4
VinaCapital VN100 ETF	4	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	6	0.0	0.3	0.3	2.7

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	-26,000	-14,623	-17,979
Ấn độ	1,237	1,237	5,977	6,327
Indonesia	145	145	2,403	1,976
Nhật Bản*	-5,640	-9,821	-9,294	29,743
Maylaysia	169	169	1,038	866
Philippines	15	15	219	-309
Hàn Quốc	-1,591	-1,591	-2,429	14,699
Sri Lanka	0	0	12	-17
Đài Loan	-3,896	-3,896	-17,977	-13,595
Thái Lan	142	142	-75	-3,306
Việt Nam	-57	-57	-512	-2,189

*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

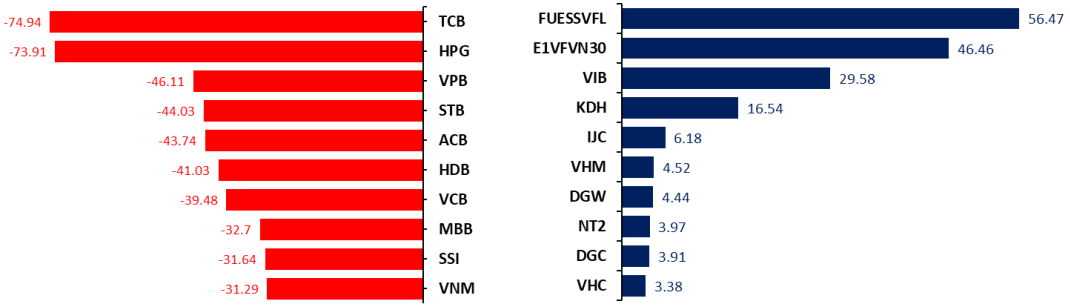
Chú thích:

WTD: từ đầu tuần
MTD: từ đầu tháng
QTD: từ đầu quý
YTD: từ đầu năm

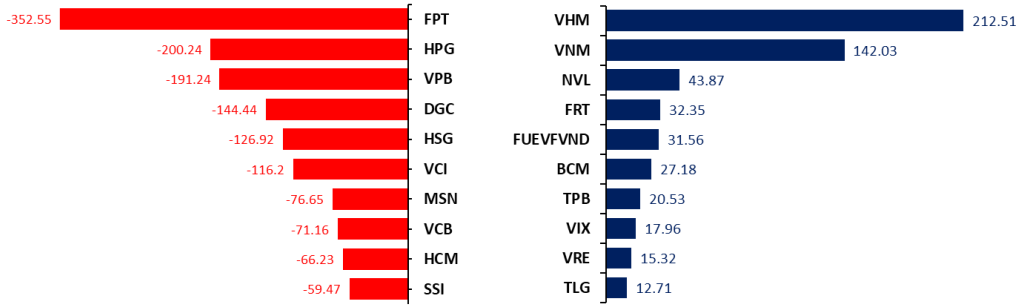
WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	15	232	-320	88
Tài nguyên Cơ bản	-71	-350	526	-176
Truyền thông	0	0	0	0
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-8	-37	71	-34
Y tế	0	5	-5	0
Hóa chất	-26	-156	125	32
Dịch vụ tài chính	29	-271	262	9
Du lịch và Giải trí	-12	-10	12	-2
Ngân hàng	-363	-442	572	-130
Xây dựng và Vật liệu	2	-17	72	-55
Thực phẩm và đồ uống	-44	1	29	-30
Bán lẻ	1	27	-121	95
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-15	-24	34	-10
Hàng cá nhân & Gia dụng	-12	10	11	-21
Công nghệ Thông tin	-25	-346	315	32
Ô tô và phụ tùng	0	4	-1	-3
Bảo hiểm	-1	3	-1	-1
Dầu khí	0	-72	102	-30
Tổng	-529	-1,444	1,682	-239

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

Shinhan Securities

WEEKLY SNAPSHOT
Top cổ phiếu đáng chú ý

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	DTT	Hóa chất	16.00 - 23.00	17.3	-13.1%
2	SRF	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	7.19 - 10.95	8.9	-9.4%
3	APH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	6.69 - 11.10	6.7	-9.0%
4	CMX	Thực phẩm và đồ uống	7.40 - 12.25	8.1	-8.7%
5	VCF	Thực phẩm và đồ uống	176.00 - 285.50	244.9	-8.3%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
11.0%	5.8	4.55 - 10.25	Xây dựng và Vật liệu	HBC
10.5%	97.0	47.36 - 99.90	Y tế	IMP
7.9%	7.4	6.39 - 10.20	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	PMG
7.4%	14.6	8.37 - 14.95	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	TCO
7.3%	7.4	#VALUE!	Thực phẩm và đồ uống	HNG

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	KSD	Hàng cá nhân & Gia dụng	3.20 - 6.70	4.9	-22.2%
2	VC6	Xây dựng và Vật liệu	9.27 - 31.50	22.5	-20.8%
3	CMS	Xây dựng và Vật liệu	8.90 - 38.10	9.7	-19.2%
4	MCO	Xây dựng và Vật liệu	3.40 - 38.00	6.5	-18.8%
5	HBS	Dịch vụ tài chính	6.30 - 12.90	8.3	-14.4%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
31.2%	30.3	3.30 - 30.40	Thực phẩm và đồ uống	CTP
26.3%	2.4	1.90 - 4.60	Tài nguyên Cơ bản	SPI
20.0%	31.2	20.80 - 46.70	Du lịch và Giải trí	SGH
17.6%	22.0	15.70 - 27.50	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	SFN
13.2%	18.9	14.40 - 21.50	Công nghệ Thông tin	POT

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	APP	Hóa chất	3.90 - 18.50	5.9	-37.9%
2	DNA	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	17.10 - 31.00	19.3	-25.8%
3	TLI	Hàng cá nhân & Gia dụng	3.40 - 10.20	4.1	-22.6%
4	THU	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	6.30 - 8.00	6.3	-21.3%
5	LUT	Xây dựng và Vật liệu	6.00 - 15.70	8.7	-19.4%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
30.9%	67.4	15.00 - 67.70	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	MA1
27.0%	30.6	12.40 - 30.60	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	STW
25.2%	17.4	6.50 - 17.40	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	PTT
22.0%	7.2	5.30 - 8.90	Hàng cá nhân & Gia dụng	HJC
22.0%	6.1	4.80 - 22.60	Xây dựng và Vật liệu	NXT

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cố phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W	Giá (nghìn VND)	Biến động 52 tuần	%1W
1	HNG	Nông nghiệp Quốc tế HAGL	Thực phẩm và đồ uống	19,945.5	159.1	4.7	3.65 - 5.73	7.3
2	FMC	Thực phẩm Sao Ta	Thực phẩm và đồ uống	944.4	103.7	47.0	40.85 - 55.00	-3.1
3	IMP	IMEXPHARM	Y tế	12,951.1	101.6	97.0	47.36 - 99.90	14.9
4	HBC	Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình	Xây dựng và Vật liệu	11,052.1	94.1	5.8	4.55 - 10.25	10.6
5	DSE	#N/A	#N/A	6,671.0	84.2	26.5	23.80 - 30.00	4.5
6	DHC	Đông Hải Bến Tre	Tài nguyên Cơ bản	4,579.2	50.5	37.0	35.80 - 48.95	-2.9
7	VCF	Vinacafé Biên Hòa	Thực phẩm và đồ uống	775.6	42.1	244.9	176.00 - 285.50	-8.2
8	SGT	Sài Gòn Telecom	Công nghệ Thông tin	1,147.5	40.5	14.5	11.10 - 17.15	3.6
9	VIC	VinGroup	Bất động sản	152,238.6	35.2	44.7	38.70 - 62.50	0.6
10	NAF	Nafoods Group	Thực phẩm và đồ uống	12,520.9	34.2	20.2	13.90 - 21.85	8.9

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

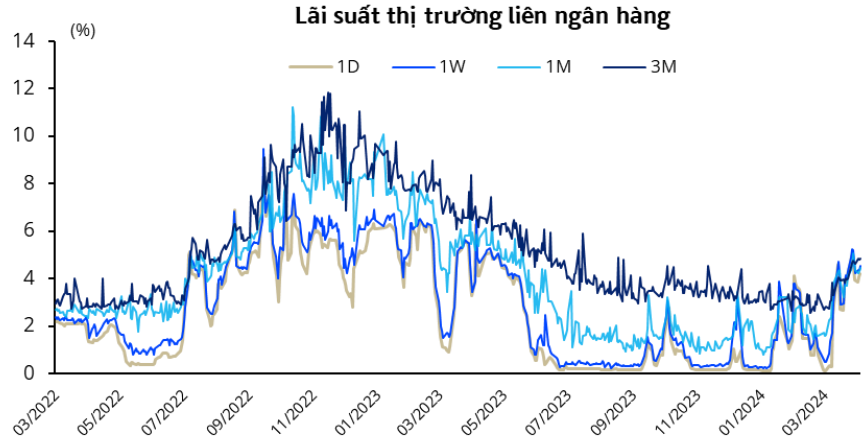
Tỷ giá

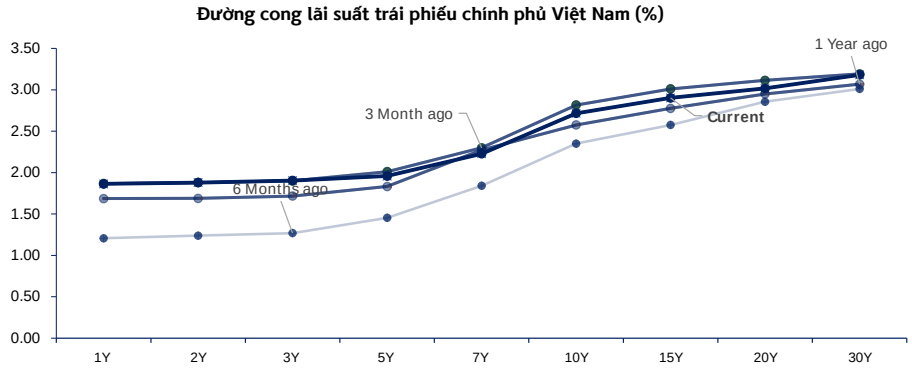
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dollar index	100.93	-0.4	-2.0	-3.0	-0.4	
VND/USD	24,614	-1.0	-2.1	-3.2	1.4	
KRW/USD	1,329.55	-0.6	-3.5	-3.2	3.2	
JPY/USD	142.53	-2.5	-1.3	-8.4	1.1	
EUR/USD	0.90	-0.6	-1.7	-2.1	-0.7	
SGD/USD	1.30	-0.7	-2.1	-3.5	-1.7	
CNY/USD	7.08	-0.1	-1.0	-2.2	-0.2	

Hàng hóa

	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dầu thô	69.10	-9.0	-5.6	-8.5	-3.6	
Xăng	193.34	-14.0	-16.9	-19.4	-8.0	
Gas	2.27	6.3	13.0	-19.5	-9.6	
Than	141.35	-3.3	-2.9	5.2	-3.4	
Vàng	2,517.85	0.6	5.3	6.0	22.0	
Bạc	28.77	-0.3	6.6	-8.1	20.9	
Platinum	930.54	0.1	1.7	-7.6	-6.2	
Quặng sắt	91.30	-7.3	-12.4	-14.7	-33.0	
Thép cán	3,060.00	-5.3	-11.6	-18.9	-25.0	
Lúa mì	561.00	9.1	4.0	-13.3	-10.7	
Ngô	390.25	5.0	0.4	-13.7	-17.2	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam





TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	1.86	1.88	1.90	1.96	2.23	2.72	2.90	3.01	2.58
Thay đổi (WoW)	0.00	0.00	0.00	0.70	-0.30	0.00	-0.10	-7.90	0.00

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Mạng lưới Shinhan Investment

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co,. Ltd,
18th Floor. The Mett Tower. 15 Tran Bach Dang. Thu Thiem Ward.
Thu Duc City. Ho Chi Minh City. Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000

Thông báo tuân thủ & Miễn trừ trách nhiệm

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.